

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

TỔNG CÔNG TY
CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 54

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP, tiền thân là Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập vào năm 1996. Đến năm 2003, theo Quyết định số 67/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11/6/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hai Tổng Công ty chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ điện và xây dựng công trình là Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi và Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 được sáp nhập thành Tổng Công ty Cơ điện - Xây dựng - Nông nghiệp và Thủy lợi (AGRIMECO). Tổng Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102887 ngày 09 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 024 66.742.798
- Fax : 024 38.615.706

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty trong năm bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Lê Văn An	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đồng Tuấn Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Lê Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Lê Thị Hằng	Trưởng ban	Ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	Ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Lê Thu Huyền	Thành viên	Ngày 25 tháng 5 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn An	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Lương Công Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2021
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020
Ông Đỗ Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020
Ông Phạm Bảo Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2021
Bà Trần Thu Thủy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022
Ông Lê Quang Hưng	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn An – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

Chủ tịch



Lê Văn An

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

4981
CHỈ N
CÔNG
NHIỆ
TOÁN
A &
TẠI H
ĐẠI

Số: 2.0421/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (gọi chung là “Tổng công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023



Phạm Quốc Huy - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4918-2019-008-1

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		704.151.457.994	740.112.760.367
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.342.002.125	69.310.273.782
1. Tiền	111		24.342.002.125	66.310.273.782
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		369.011.065.550	397.890.469.045
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	196.835.944.321	181.245.915.481
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	64.678.557.666	87.298.045.721
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	97.126.201.401	104.813.157.767
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	86.702.120.319	91.716.643.485
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(76.675.883.357)	(67.183.293.409)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	344.125.200	-
IV. Hàng tồn kho	140		244.633.162.995	198.377.488.472
1. Hàng tồn kho	141	V.9	244.633.162.995	198.377.488.472
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.165.227.324	73.334.529.068
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	2.121.704.756	4.332.956.874
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		59.036.840.750	68.948.989.344
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	6.681.818	52.582.850
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.152.242.852.495	2.006.203.937.632
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.615.439.187	4.615.439.187
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.615.439.187	4.615.439.187
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		751.592.333.713	305.562.295.039
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	751.592.333.713	305.562.295.039
<i>Nguyên giá</i>	222		1.237.270.492.864	729.746.573.930
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(485.678.159.151)	(424.184.278.891)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		2.665.500.000	2.665.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.665.500.000)	(2.665.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		982.857.042.635	1.272.889.755.057
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	982.857.042.635	1.272.889.755.057
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	407.328.511.842	416.984.775.056
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		201.420.002.875	221.974.063.442
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		280.928.443.866	280.928.443.866
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(75.019.934.899)	(85.917.732.252)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.849.525.118	6.151.673.293
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	3.219.420.123	3.283.170.180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22a	2.630.104.995	2.868.503.113
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.856.394.310.489	2.746.316.697.999

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.191.705.782.826	2.118.408.343.790
I. Nợ ngắn hạn	310		698.582.523.922	724.896.672.136
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	112.916.864.070	112.726.037.008
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	341.513.026.010	360.764.440.839
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	11.727.235.477	6.990.884.731
4. Phải trả người lao động	314		9.053.717.049	7.913.743.630
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	17.973.360.113	16.850.531.483
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	65.077.035	1.412.749.118
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	79.201.717.217	102.068.189.221
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	102.197.886.781	95.605.668.613
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	23.933.640.170	20.564.427.493
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.493.123.258.904	1.393.511.671.654
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	127.068.887.609	135.449.107.172
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	152.784.824.000	152.784.824.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	1.209.567.672.446	1.104.450.120.714
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22b	3.701.874.849	827.619.768
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		664.688.527.663	627.908.354.209
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	658.703.720.185	621.923.546.731
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(54.331.026.750)	(54.331.026.750)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.937.804.283	59.815.472.860
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		330.358.670.743	316.146.914.279
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		291.326.966.884	316.146.914.279
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.031.703.859	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		100.738.271.909	85.292.186.342
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.984.807.478	5.984.807.478
1. Nguồn kinh phí	431		5.984.807.478	5.984.807.478
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.856.394.310.489	2.746.316.697.999

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thu Thủy



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	264.003.153.571	184.387.755.067
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		264.003.153.571	184.387.755.067
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	168.531.917.296	124.187.750.793
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.471.236.275	60.200.004.274
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.422.341.504	18.771.898.588
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.814.871.553	33.794.815.869
Trong đó: chi phí lãi vay	23		40.322.715.932	21.145.478.668
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		15.841.733.433	24.201.378.744
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	46.706.013.763	23.552.094.892
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.214.425.896	45.826.370.845
12. Thu nhập khác	31	VI.6	335.914.381	2.621.740.016
13. Chi phí khác	32	VI.7	884.567.979	658.583.984
14. Lợi nhuận khác	40		(548.653.598)	1.963.156.032
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.665.772.298	47.789.526.877
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4.581.063.806	1.226.031.093
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		3.112.653.199	543.572.883
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.972.055.293	46.019.922.901
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		39.031.703.859	47.659.627.273
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.940.351.434	(1.639.704.372)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.770	2.261
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.770	2.261

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thu Thủy



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		48.665.772.298	47.789.526.877
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11	61.493.880.260	47.065.371.819
- Các khoản dự phòng	03		(1.405.207.405)	(6.674.103.335)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.191.347.683)	(2.839.861.523)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(27.677.621.474)	(37.443.513.595)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	40.322.715.932	21.145.478.668
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		119.208.191.928	69.042.898.911
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		49.116.273.018	30.733.988.525
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(46.255.674.523)	(16.786.606.542)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(34.174.725.503)	(34.206.333.468)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.275.002.175	(984.349.454)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(41.731.312.836)	(20.562.283.258)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(1.808.286.615)	(1.063.155.124)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(2.839.641.370)	(2.105.438.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.789.826.274	24.068.721.590
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(204.348.424.404)	(468.815.673.107)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.900.000.000)	(13.164.234.228)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.786.956.366	36.619.714.773
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.414.787.665	29.130.961.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(178.046.680.373)	(423.029.230.675)

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.23	16.000.000.000	9.900.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	302.057.674.021	838.526.542.289
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(190.347.904.121)	(391.397.618.092)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.425.137.000)	(12.133.654.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		94.284.632.900	444.895.269.947
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(39.972.221.199)	45.934.760.862
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	69.310.273.782	23.376.993.432
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.949.542	(1.480.512)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	29.342.002.125	69.310.273.782

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thu Thủy



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là xây lắp và chế tạo cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Trong đó, 4 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này (Xem Thuyết minh I.5a). Công ty TNHH Thủy điện Bán Mông đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 2901905544 ngày 10 tháng 10 năm 2017 nhưng chưa đi vào hoạt động, Công ty mẹ chưa góp vốn. Do đó, Công ty con này không phát sinh số liệu phải hợp nhất trong năm.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con có hình thức sở hữu vốn là công ty TNHH Một thành viên

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Điện Sông Mực (*)	Thôn Xuân Lai, xã Hải Vân, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	90,00%	90,00%	100%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty con có hình thức sở hữu vốn là công ty cổ phần

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung	Xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92,68%	92,68%	92,68%
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi (*)	Tổ 1, thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	42,87%	42,87%	51,00%
Công ty Cổ phần Điện tái tạo AHP (*)	Số 215 Đường Ngọc Hồi, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	40,00%	40,00%	51,00%

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Tổ 21, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng	42,89%	42,89%	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Km Số 9, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Cơ điện và xây dựng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Số 20 đường Trần Nhật Duật, phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Xây dựng công trình	27,11%	27,11%	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Phố Vũ, Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng công trình	29,28%	29,28%	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	24A Nguyễn Cư Trinh, phường Thuận Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng công trình	47,20%	47,20%	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Cơ điện	25,58%	25,58%	46,39%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 (*)	220 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ khí và xây lắp	28,95%	28,95%	44,45%
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Khu Pheo, nhà điều hành sân Golf Hòa Bình-Geleximco, thị trấn Kỳ Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	Số 55 Trần Nhật Duật, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ điện và xây dựng	40,00%	40,00%	40,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Bản Chuông, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư dự án thủy điện	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Đaksrông (*)	Làng Byang, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,57%	38,57%	39,77%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện (*)	Số nhà 56, ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc	44,77%	44,77%	49,64%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	Km 18 Quốc Lộ 5A, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đầu tư dự án khu công nghiệp cơ khí năng lượng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	Số 14 ngõ 649 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Nhập khẩu thiết bị cho các Dự án Thủy điện	34,00%	34,00%	34,00%
Công ty Cổ phần Agreensteel – Việt Nam	Số 6 Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Vận chuyển, buôn bán vật liệu	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm thép	50,00%	50,00%	50,00%

(*) Một số Công ty có tỷ lệ lợi ích nhỏ hơn tỷ lệ quyền biểu quyết do có các cá nhân ủy thác đầu tư và Công ty mẹ được hưởng quyền biểu quyết (Xem thuyết minh V.19b).

5c. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 (*)	Tầng 2, tòa nhà Vinamilk, số 4, đại lộ Lê Nin, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây dựng	36,18%	36,18%	36,18%

(*) Công ty mẹ không thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty trên để phục vụ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5d. Tình hình hoạt động của các Công ty con

Công ty TNHH Thủy điện Bản Mông chưa đi vào hoạt động. Toàn bộ hoạt động đầu tư Dự án Thủy điện Bản Mông được Công ty mẹ trực tiếp thực hiện (xem Thuyết minh V.13).

Công ty Cổ phần Điện tái tạo AHP đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu. Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi bắt đầu có doanh thu từ ngày 17/03/2022.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40
Máy móc và thiết bị	2 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 5
Tài sản cố định khác	2 – 8

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận khi người mua xác nhận sản lượng điện tiêu thụ, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.424.007.654	1.811.438.742
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.917.994.471	64.498.835.040
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	29.342.002.125	69.310.273.782

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCĐ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư	Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư
Các công ty được phân ánh theo phương pháp Vốn chủ sở hữu				
Công ty Cổ phần Xây dựng 25 ⁽ⁱ⁾	4.203.700.000	(4.203.700.000)	-	4.203.700.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng ⁽ⁱ⁾	22.080.000.000	(10.754.545.279)	11.325.454.721	22.080.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng ⁽ⁱ⁾	2.439.680.000	(616.067.793)	1.823.612.207	2.439.680.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1 ⁽ⁱ⁾	6.028.780.000	3.737.257.023	9.766.037.023	6.028.780.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 26 ⁽ⁱ⁾	7.079.880.000	1.208.754.014	8.288.634.014	7.079.880.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi ⁽ⁱ⁾	9.357.100.000	1.067.263.457	10.424.363.457	9.357.100.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ⁽ⁱ⁾	6.667.000.000	10.267.295.566	16.934.295.566	6.667.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình ⁽ⁱ⁾	4.000.000.000	(393.540.668)	3.606.459.332	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đòng Dương ⁽ⁱ⁾	2.600.000.000	505.861.735	3.105.861.735	2.600.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh ⁽ⁱ⁾	1.796.036.596	-	1.796.036.596	-
Công ty Cổ phần Đakrông ⁽ⁱ⁾	26.700.000.000	31.989.475.872	58.689.475.872	26.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện ⁽ⁱ⁾	14.892.300.000	28.618.176.974	43.510.476.974	14.892.300.000
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo ⁽ⁱ⁾	9.113.853.216	-	9.113.853.216	-
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam ⁽ⁱ⁾	1.200.000.000	123.004.294	1.323.004.294	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu ⁽ⁱ⁾	6.800.000.000	7.374.409	6.807.374.409	6.800.000.000
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE ⁽ⁱ⁾	22.125.000.000	(14.456.128.014)	7.668.871.986	22.125.000.000
Các công ty được phân ánh theo phương pháp giá gốc				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 ⁽ⁱ⁾	7.236.191.473	-	7.236.191.473	-
Cộng	154.319.521.285	47.100.481.590	201.420.002.875	154.319.521.285
				67.654.542.157
				221.974.063.442

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản đầu tư sau không thay đổi so với số đầu năm:

Tên Công ty	Số Cổ phần	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	420.370	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	2.208.000	46,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	723.619	36,18%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	243.968	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	878.360	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	707.988	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	935.710	25,58%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	888.933	28,95%
Công ty Cổ phần Thủy điện tái tạo Hòa Bình	400.000	20,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	260.000	40,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	179.604	50,00%
Công ty Cổ phần Đaksrông	4.859.400	38,57%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.489.230	44,77%
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	911.385	46,00%
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	120.000	30,00%
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	680.000	34,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE		50,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCĐ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tổng công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Công ty liên kết phân phối lợi nhuận	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	24.285.228.057	(12.955.198.491)	-	-	11.325.454.721
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	1.945.766.209	(122.154.002)	-	(4.574.845)	1.823.612.207
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	8.867.375.669	898.661.354	-	-	9.766.037.023
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	8.285.293.838	134.921.974	-	(131.581.798)	8.288.634.014
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	10.885.043.194	55.340.263	(516.020.000)	-	10.424.363.457
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	18.542.617.103	1.006.408.477	(868.600.500)	(1.746.129.514)	16.934.295.566
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	3.536.557.012	69.902.320	-	-	3.606.459.332
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình (ii)	3.171.680.995	(65.819.260)	-	-	3.105.861.735
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh (i)	1.796.036.596	-	-	-	1.796.036.596
Công ty Cổ phần Đakrông	68.484.411.505	26.094.072.241	(32.996.600.000)	(2.892.407.874)	58.689.475.872
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	40.527.888.956	5.862.951.587	(2.014.573.500)	(865.790.069)	43.510.476.974
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo (i)	9.113.853.216	-	-	-	9.113.853.216
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	871.040.719	460.320.000	-	(8.356.425)	1.323.004.294
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu (ii)	6.800.448.145	6.926.264	-	-	6.807.374.409
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	7.624.630.755	44.241.231	-	-	7.668.871.986
Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng 24	7.236.191.473	-	-	-	7.236.191.473
Cộng	221.974.063.442	21.490.573.958	(36.395.794.000)	(5.648.840.525)	201.420.002.875

(i) Các Công ty đang tạm ngừng hoạt động nên không có kết quả kinh doanh trong năm.

(ii) Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty liên kết sau hiện đang ngừng hoạt động:

- Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình và Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu

Các công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng 25		
Doanh thu phí tổng thầu	-	455.539.389
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	934.020.360	-
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	286.728.400	3.266.236.135
Giảm giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	(1.006.350.000)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng		
Giảm giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	-	(1.777.900.104)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1		
Giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	2.149.187.279	6.690.494.881
Công ty Cổ phần Xây dựng 26		
Doanh thu phí tổng thầu	-	220.977.373
Giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	2.000.700.000	1.475.355.745
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	-	31.038.600
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	935.710.000	935.710.000
Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác	419.690.000	419.690.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276		
Chi phí lãi vay phải trả Công ty liên kết	6.230.748.792	6.319.123.392
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	1.333.399.500	1.777.866.000
Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác	464.799.000	619.732.000
Công ty Cổ phần Đakrông		
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	34.015.800.000	-
Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác	1.019.200.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện		
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	2.233.845.000	2.233.845.000
Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác	219.271.500	219.271.500

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.127.414.943	-
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	11.503.828.969	8.780.572.810
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu		
Góp vốn vào Công ty liên kết	-	6.800.000.000
Vay Công ty liên kết	-	6.000.000.000
Lãi vay phải trả Công ty liên kết	134.688.758	283.075.583
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	9.261.218.273	3.507.307.404
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	79.692.365	-

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tổng Công ty đã dùng 3.780.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đakrông để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 1.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	1.723.110.000	(749.704.000)	1.723.110.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi II	3.048.650.000	(3.048.650.000)	3.048.650.000	(3.048.650.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	206.666.690	-	206.666.690	-
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam	4.665.700.000	-	4.665.700.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng và Hợp tác lao động	384.317.176	-	384.317.176	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	270.300.000.000	(63.385.389.426)	270.300.000.000	(75.032.890.779)
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Cộng	280.928.443.866	(67.783.743.426)	280.928.443.866	(78.681.540.779)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, bao gồm:

Tên Công ty	Số lượng cổ phần	Giá trị hợp lý tại 31/12/2022	Giá trị hợp lý tại 31/12/2021
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.489.230	40.507.056.000	20.849.220.000
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	302.300	973.406.000	3.204.380.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	24.000	548.640.000	722.400.000

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

2c. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	85.917.732.252	83.665.305.095
Trích lập dự phòng bổ sung	-	2.252.427.157
Hoàn nhập dự phòng	(10.897.797.353)	-
Số cuối năm (*)	75.019.934.899	85.917.732.252

(*) Trong đó, số dự phòng cho các khoản góp vốn vào đơn vị khác là 67.783.743.426 VND, số dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty liên kết không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24) là 7.236.191.473 VND.

2d. Cam kết về thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn

Theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 02 tháng 4 năm 2021, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng (Công ty liên kết) cho Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long đã chuyển tiền ứng trước một phần giá trị hợp đồng (xem thuyết minh V.15). Theo thỏa thuận hợp đồng, các bên sẽ hoàn thành thủ tục chuyển nhượng trong vòng 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long đang tiếp tục rà soát sổ sách của Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng trước khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần tại Công ty này.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	6.112.962.704	4.835.124.771
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000	281.469.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	557.872.514	557.872.514
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	4.258.571.176	3.995.783.257
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	1.015.050.014	-
Phải thu các khách hàng khác	190.722.981.617	176.410.790.710
Ban quản lý dự án thủy điện Sông bung 2	25.817.736.800	25.817.736.800
Power Machines	90.648.281.480	87.973.032.796
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	28.403.168.605	11.770.578.860
Các khách hàng khác	45.853.794.732	50.849.442.254
Cộng	196.835.944.321	181.245.915.481

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	14.544.173.925	17.049.006.666
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng 24	4.788.725.531	4.788.725.531
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	1.321.608.282	1.220.615.687
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	4.552.647.627	4.459.590.644
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây lắp 276	343.251.100	343.251.100
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	3.137.941.385	5.836.823.704

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	50.134.383.741	70.249.039.055
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Sản phẩm Công nghiệp Quốc tế	17.159.292.930	17.159.292.930
Các nhà cung cấp khác	32.975.090.811	53.089.746.125
Cộng	64.678.557.666	87.298.045.721

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	86.726.201.401	103.313.157.767
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (lãi suất 10,5%/năm)	85.910.777.228	102.497.733.594
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh (lãi suất 6%/năm)	815.424.173	815.424.173
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.400.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Thuận Phát (lãi suất 8%/năm)	1.500.000.000	1.500.000.000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	8.900.000.000	-
Cộng	97.126.201.401	104.813.157.767

Chi tiết số phát sinh khoản cho vay trong năm như sau

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	104.813.157.767	128.268.638.312
Cho vay	10.900.000.000	9.664.234.228
Thu hồi gốc cho vay	(18.586.956.366)	(33.119.714.773)
Số cuối năm	97.126.201.401	104.813.157.767

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	27.445.111.755	(5.908.027.428)	33.965.250.146	(2.108.027.428)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	17.664.127.640	(1.700.000.000)	17.664.127.640	(1.700.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	4.565.101.877	(3.800.000.000)	4.565.101.877	-
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi 1	3.120.434.540	-	3.120.434.540	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	8.106.450	-	943.816.450	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	166.578.807	-	166.578.807	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	126.018.752	(126.018.752)
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	1.512.735.013	-	7.097.163.404	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	59.257.008.564	(11.178.894.148)	57.751.393.339	(11.178.894.148)
Tạm ứng	25.965.629.936	(6.699.633.315)	22.785.749.898	(6.699.633.315)
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	8.615.873.937	-	8.615.873.937	-
Dự thu lãi tiền gửi	5.528.767	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	24.669.975.924	(4.479.260.833)	26.349.769.504	(4.479.260.833)
Cộng	86.702.120.319	(17.086.921.576)	91.716.643.485	(13.286.921.576)

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mông ⁽¹⁾	4.302.999.187	4.302.999.187
Ký cược, ký quỹ khác	312.440.000	312.440.000
Cộng	<u>4.615.439.187</u>	<u>4.615.439.187</u>

⁽¹⁾ Là khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mông cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An theo thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 141/TT-SKHĐT ngày 10 tháng 11 năm 2017.

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Các bên liên quan	6.189.496.428	(6.189.496.428)	3.204.920.601	(2.789.496.428)
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.981.469.000	(1.981.469.000)	1.981.469.000	(1.981.469.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	941.442.925	(526.018.752)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	3.800.000.000	(3.800.000.000)	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	106.631.876.090	(70.486.386.929)	74.180.046.806	(64.393.796.981)
Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	1.184.062.138	(1.184.062.138)	1.184.062.138	(1.184.062.138)
Power Machines	90.648.281.480	(54.718.216.492)	59.581.779.554	(49.795.529.729)
Tạm ứng	6.699.633.315	(6.699.633.315)	6.699.633.315	(6.699.633.315)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.099.899.157	(7.884.474.984)	6.714.571.799	(6.714.571.799)
Cộng	<u>112.821.372.518</u>	<u>(76.675.883.357)</u>	<u>77.384.967.407</u>	<u>(67.183.293.409)</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	67.183.293.409	76.109.823.901
Trích lập dự phòng bổ sung	9.492.589.948	200.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(9.126.530.492)
Số cuối năm	<u>76.675.883.357</u>	<u>67.183.293.409</u>

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là khoản tiền mặt tại Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP tại Hải Dương thiếu chờ xử lý.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	49.579.742.162	-	31.179.184.805	-
Công cụ, dụng cụ	1.043.398.228	-	933.304.533	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	153.664.947.512	-	125.851.900.865	-
Thành phẩm	2.321.646.031	-	2.321.646.031	-
Hàng hóa	38.023.429.062	-	38.091.452.238	-
Cộng	244.633.162.995	-	198.377.488.472	-

10. Chi phí trả trước**10a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	97.573.577	245.103.034
Chi phí bảo hiểm	240.022.784	120.970.195
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.784.108.395	3.966.883.645
Cộng	2.121.704.756	4.332.956.874

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	682.616.779	401.908.832
Chi phí sửa chữa	1.960.696.859	2.398.701.459
Các chi phí trả trước dài hạn khác	576.106.485	482.559.889
Cộng	3.219.420.123	3.283.170.180

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	151.452.313.500	324.796.469.130	252.194.399.232	778.685.455	524.706.613	729.746.573.930
Mua trong năm	-	35.000.000	-	33.853.120	-	68.853.120
Đầu tư XD/CB hoàn thành	119.827.220.465	295.743.653.116	87.845.236.363	-	4.038.955.869	507.455.065.814
Số cuối năm	271.279.533.965	620.575.122.246	340.039.635.595	812.538.575	4.563.662.482	1.237.270.492.864
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	36.687.426.852	61.617.553.556	9.307.762.646	601.012.001	524.706.613	108.738.461.668
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	72.917.556.365	191.122.643.729	158.941.487.069	677.885.115	524.706.613	424.184.278.891
Khấu hao trong năm	6.445.528.653	28.455.050.075	26.434.688.587	68.039.305	90.573.641	61.493.880.260
Số cuối năm	79.363.085.018	219.577.693.804	185.376.175.656	745.924.420	615.280.254	485.678.159.151
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	78.534.757.135	133.673.825.401	93.252.912.163	100.800.340	-	305.562.295.039
Số cuối năm	191.916.448.947	400.997.428.443	154.663.459.939	66.614.155	3.948.382.228	751.592.333.713
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 742.724.744.210 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.665.500.000	2.665.500.000	-
Số cuối năm	2.665.500.000	2.665.500.000	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>129.892.400</i>	-	-	<i>129.892.400</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>1.272.759.862.657</i>	<i>217.422.353.392</i>	<i>(507.455.065.814)</i>	<i>982.727.150.235</i>
Công trình Thủy điện Bản Mông	848.676.075.052	124.934.533.462	-	973.610.608.514
Công trình Thủy điện Ngàn Trươi	419.364.296.615	91.718.529.761	(507.455.065.814)	3.627.760.562
Công trình khác	4.719.490.990	769.290.169	-	5.488.781.159
Cộng	1.272.889.755.057	217.422.353.392	(507.455.065.814)	982.857.042.635

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tại Công trình Thủy điện Bản Mông và Công trình Thủy điện Ngàn Trươi lần lượt là 54.044.142.885 VND và 5.152.100.587 VND (năm trước lần lượt là 43.909.840.864 VND và 19.199.504.074 VND).

Tài sản phát sinh từ công trình Thủy điện Bản Mông và Thủy điện Ngàn Trươi đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1.

14. Phải trả người bán**14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>27.004.755.070</i>	<i>30.863.728.025</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	3.375.408.337	3.375.408.337
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	8.827.272.688	10.862.397.616
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	775.331.157	775.331.157
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	3.756.697.184	5.533.366.883
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	216.985.213	216.985.213
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	6.678.432.649	9.681.541.392
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	3.374.627.842	418.697.427
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>85.912.109.000</i>	<i>81.862.308.983</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	29.354.567.960	29.354.567.960
Voith Hydro Private Limited	19.753.290.000	11.230.465.130
Các nhà cung cấp khác	36.804.251.040	41.277.275.893
Cộng	112.916.864.070	112.726.037.008

14b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>19.243.818.146</i>	<i>26.523.449.060</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	4.221.642.825	4.221.642.825
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.560.765.249	2.560.765.249
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	7.723.742.861	13.003.373.775
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	4.737.667.211	6.737.667.211

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>107.825.069.463</i>	<i>108.925.658.112</i>
Công ty TNHH Andritz (China) Ltd	35.598.724.069	35.598.724.069
Các nhà cung cấp khác	72.226.345.394	73.326.934.043
Cộng	127.068.887.609	135.449.107.172

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	249.316.311.764	251.322.668.749
Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long ⁽ⁱ⁾	68.394.820.664	68.394.820.664
Tổng Công ty Idico - CTCP	-	26.171.774.112
Các khách hàng khác	23.801.893.582	14.875.177.314
Cộng	341.513.026.010	360.764.440.839

- (i) Khoản tiền trả trước của Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long theo Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng (Công ty liên kết).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tư Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.834.787.545	51.707.850	7.892.190.740	(8.278.880.837)	1.402.196.416	5.806.818
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.043.839.669	(3.043.839.669)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	9.592.730	(9.592.730)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	453.046.130	875.000	4.581.063.806	(1.808.286.615)	3.225.823.321	875.000
Thuế thu nhập cá nhân	661.680.479	-	2.539.520.211	(2.412.395.202)	788.805.488	-
Thuế tài nguyên	753.504.383	-	12.499.501.646	(11.581.213.487)	1.671.792.542	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	121.405.990	(121.405.990)	-	-
Tiền thuế đất	253.407.400	-	4.175.059.848	(4.151.487.048)	276.980.200	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	1.881.000	(1.881.000)	-	-
Các loại thuế khác	2.839.304	-	607.119.304	(609.958.608)	-	-
Phí môi trường rừng	785.240.568	-	4.565.985.120	(3.235.967.100)	2.115.258.588	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	1.519.279.000	(1.519.279.000)	-	-
Lệ phí môn bài	1.000.000	-	18.000.000	(18.000.000)	1.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.245.378.922	-	18.054.257	(18.054.257)	2.245.378.922	-
Cộng	6.990.884.731	52.582.850	41.592.493.321	(36.810.241.543)	11.727.235.477	6.681.818

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Trong đó, máy móc và thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%; hàng hóa, dịch vụ khác tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 261022000007 ngày 4 tháng 7 năm 2007 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc miền Trung (Công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2015 đến năm 2029), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027)

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 261220000013 ngày 30 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH Điện Sông Mực (Công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh điện thương phẩm với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2009 đến năm 2024), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023)

Theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 3810/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi (Công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động của Nhà máy Thủy điện Ngân Trươi với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2022 đến năm 2036), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án (từ năm 2022 đến năm 2025) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2026 đến năm 2034). Năm 2022 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ dự án, do đó, Công ty áp dụng mức thuế suất 10% và được miễn thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo quy định.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế tài nguyên

Các công ty con phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 1.864,44 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

Phí môi trường rừng

Các công ty con phải nộp Phí môi trường rừng cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 36 VND /KWh x Sản lượng.

Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Các công ty con phải nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho hoạt động thủy điện theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan (lãi vay phải trả)	374.519.431	1.509.576.587
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	-	283.075.583
Ông Đồng Tuấn Vũ	-	1.128.199.971
Bà Lê Bích Hạnh	374.519.431	47.680.240
Ông Đỗ Minh Tiến	-	50.620.793
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	17.598.840.682	15.340.954.896
Chi phí lãi vay phải trả	5.143.330.450	5.699.945.781
Trích trước chi phí công trình	12.027.193.206	9.425.606.391
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	428.317.026	215.402.724
Cộng	17.973.360.113	16.850.531.483

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu cho thuê văn phòng	65.077.035	81.393.817
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	-	1.331.355.301
Cộng	65.077.035	1.412.749.118

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	4.639.252.294	6.418.952.294
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	462.000.000	231.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	381.928.018	381.928.018
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	1.654.371.478	3.655.071.478
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	-	10.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.336.171.595	1.336.171.595
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	804.679.172	804.679.172
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	102.031	102.031
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	74.562.464.923	95.649.236.927
Kinh phí công đoàn	1.206.364.658	1.159.572.843
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.532.376.326	1.547.743.845
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.743.884.795	28.621.883.295
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	63.079.839.144	64.320.036.944
Cộng	79.201.717.217	102.068.189.221

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	134.400.000.000	134.400.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Minh Ngọc - Góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mông	134.400.000.000	134.400.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	18.384.824.000	18.384.824.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân góp vốn tại công ty liên kết:	8.782.710.000	8.782.710.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp 276	2.324.000.000	2.324.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.461.810.000	1.461.810.000
Công ty Cổ phần Đaksrông	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	4.196.900.000	4.196.900.000
Phải trả Bà Trần Thị Xuân - Góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mông	7.000.000.000	7.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.552.114.000	2.552.114.000
Cộng	152.784.824.000	152.784.824.000

20. Vay

20a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch 1⁽ⁱ⁾	73.257.172.781	79.507.905.557
Vay ngắn hạn các cá nhân⁽ⁱⁱ⁾	4.940.714.000	4.940.714.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	24.000.000.000	11.157.049.056
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch 1	24.000.000.000	10.100.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc	-	1.057.049.056
Cộng	102.197.886.781	95.605.668.613

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng hạn mức năm 2022 với mục đích cho vay ngắn hạn, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức cho vay là 690 tỷ VND. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp dây chuyền máy móc thiết bị và 3.780.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đaksrông có giá trị tại thời điểm thế chấp là 37.800.000.000 VND. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (ii) Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất bằng lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	79.507.905.557	4.940.714.000	11.157.049.056	95.605.668.613
Số tiền vay phát sinh trong năm	93.868.984.143	-	-	93.868.984.143
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	32.800.000.000	32.800.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(100.119.716.919)	-	(19.957.049.056)	(120.076.765.975)
Số cuối năm	73.257.172.781	4.940.714.000	24.000.000.000	102.197.886.781

20b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn bên liên quan	87.397.904.110	93.677.904.110
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ⁽ⁱ⁾	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	-	6.000.000.000
Ông Đỗ Minh Tiến	-	2.000.000.000
Ông Đồng Tuấn Vũ	-	4.180.000.000
Bà Lê Bích Hạnh ⁽ⁱⁱ⁾	7.397.904.110	1.497.904.110
Vay dài hạn ngân hàng	1.077.576.629.836	965.332.591.076
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.077.576.629.836	965.332.591.076
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	44.593.138.500	45.439.625.528
Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông	-	1.093.309.300
Công ty TNHH Kenle	16.900.000.000	16.900.000.000
Công đoàn Cơ quan Văn phòng Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP	1.256.120.850	1.256.120.850
Ông Nguyễn Trung Hiếu ⁽ⁱⁱ⁾	19.937.017.650	20.290.195.378
Ông Nguyễn Văn Tam	-	5.900.000.000
Bà Ngô Thị Thanh Thùy ⁽ⁱⁱ⁾	6.500.000.000	-
Cộng	1.209.567.672.446	1.104.450.120.714

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Các khoản vay của các tổ chức là bên liên quan, để phục vụ sản xuất kinh doanh và góp vốn vào các dự án đầu tư. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất 7,5%/năm, thời hạn vay là 18 tháng.
- (ii) Các khoản vay dài hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để trả nợ vay ngân hàng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay từ 13 tháng tới 36 tháng tùy từng hợp đồng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng vay năm 2019 để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Mòng. Thời hạn vay 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 05/9/2019), trong đó thời gian ân hạn gốc tối đa 27 tháng. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả sau + margin 3,5% và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi vay trong thời gian ân hạn được nhập gốc, hết thời gian ân hạn sẽ thanh toán hàng quý. Theo phụ lục hợp đồng ký ngày 03/12/2021, ngày thanh toán gốc đầu tiên là 05/12/2021.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trước hoặc trong ngày hoàn thành xây dựng, khi Dự án chưa phát sinh doanh thu, kỳ hạn trả nợ 03 tháng/lần với số thanh toán tối thiểu là 50.000.000 VND. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản liên quan đến Dự án được hình thành từ vốn vay.

Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung (Công ty con), khoản vay theo hợp đồng dài hạn năm 2015 để thanh toán dư nợ của khoản vay đầu tư dự án Trạm Thủy điện Dốc Cáy tại VDB – Chi nhánh Thanh Hóa. Thời gian vay 120 tháng, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 18 tháng 02 năm 2016. Lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Bên cho vay cộng phí 2%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và các bất động sản khác của Dự án, Công trình Dự án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các Tài khoản, các quyền tài sản và các quyền theo các hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn kiện Dự án; quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng bán điện) của Bên vay liên quan đến Dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi (Công ty con), Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 01/14656488/2021/HỆTD-NGANTRUOI ngày 25 tháng 06 năm 2021. Mục đích sử dụng vốn vay là để trả nợ trước hạn đối với dư nợ vay, số dư L/C Dự Án tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Ba Đình và cho vay để thanh toán các khoản chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ cho việc thực hiện Dự Án (Chi phí khác chi phí VCB đã cấp tín dụng). Trong thời hạn rút vốn, Bên cho vay cấp cho bên vay các khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 405.000.000.000 VND (Bốn trăm linh năm tỷ đồng) (Bao gồm cả lãi vay trong thời gian xây dựng, mở L/C, phát hành bảo lãnh thanh toán) nhưng không được vượt quá 70% Tổng vốn đầu tư được phê duyệt sau VAT của Dự Án. ("Tổng vốn đầu tư được phê duyệt" là tổng vốn đầu tư Dự án sau VAT bằng 578.911.000.000 VND). Thời hạn vay:

a, Đối với khoản vay để trả nợ trước hạn khoản vay, số dư L/C Dự án tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình: Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 15/11/2021, nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ thời điểm Dự Án phát sinh doanh thu; Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 15/11/2030.

b, Đối với phần giải ngân khác mục a nêu trên: Thời hạn vay theo hợp đồng này là 144 tháng kể từ ngày tiếp theo Ngày Giải Ngân Đầu Tiên, trong đó thời hạn ân hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày tiếp theo Ngày Giải Ngân Đầu Tiên nhưng không muộn hơn 03 tháng kể từ ngày Dự án phát điện 4 tổ máy.

Lãi suất cho vay áp dụng cố định 7,6% trong hai năm đầu kể từ ngày Giải Ngân Đầu Tiên, trong thời gian tiếp theo là lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/ lần vào ngày làm việc đầu tiên của Quý I và Quý III hằng năm, được xác định bằng Lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng dân cư 12 tháng trả lãi sau của BIDV cộng với margin 2,6%/năm.

Tài sản đảm bảo gồm:

- Thế chấp quyền sử dụng đất (trường hợp được pháp luật cho phép) và các bất động sản khác của Dự Án, các Công Trình Dự Án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các Tài khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các chấp thuận) và các quyền theo hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn kiện Dự án, quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng bán điện, quyền đòi nợ từ Hợp đồng bán điện) (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của bên Vay liên quan đến Dự Án theo hợp đồng thế chấp bất động sản, Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản.

- Thế chấp toàn bộ cổ phần/ vốn góp của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc.

- Thế chấp toàn bộ cổ phần/vốn góp của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của bên cho vay.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tử Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm (*)</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	87.397.904.110	-	87.397.904.110	-
Vay dài hạn ngân hàng	1.101.576.629.836	24.000.000.000	361.393.980.693	716.182.649.143
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	44.593.138.500	-	44.593.138.500	-
Cộng	1.233.567.672.446	24.000.000.000	493.385.023.303	716.182.649.143
Số đầu năm				
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	94.734.953.166	1.057.049.056	93.677.904.110	-
Vay dài hạn ngân hàng	975.432.591.076	10.100.000.000	339.823.456.685	625.509.134.391
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	45.439.625.528	-	45.439.625.528	-
Cộng	1.115.607.169.770	11.157.049.056	478.940.986.323	625.509.134.391

(*) Sau ngày hoàn thành xây dựng, khi Dự án Thủy điện Bản Mòng chính thức đi vào vận hành và phát sinh doanh thu, Công ty và Bên cho vay sẽ lập lịch trả nợ cụ thể.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Vay bên liên quan</u>	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn các tổ chức và các cá nhân khác</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	93.677.904.110	965.332.591.076	45.439.625.528	1.104.450.120.714
Số tiền vay phát sinh trong năm	5.900.000.000	166.038.689.878	36.250.000.000	208.188.689.878
Số tiền vay đã trả trong năm	(12.180.000.000)	(20.994.651.118)	(37.096.487.028)	(70.271.138.146)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(32.800.000.000)	-	(32.800.000.000)
Số cuối năm	87.397.904.110	1.077.576.629.836	44.593.138.500	1.209.567.672.446

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	20.564.427.493	16.984.554.851
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	6.208.854.047	5.685.310.642
Chi quỹ	(2.839.641.370)	(2.105.438.000)
Số cuối năm	23.933.640.170	20.564.427.493

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Thuế thu nhập hoãn lại

22a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tổng Công ty liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.868.503.113	2.584.456.228
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(238.398.118)	284.046.885
Số cuối năm	<u>2.630.104.995</u>	<u>2.868.503.113</u>

22b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả của Tổng Công ty liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	827.619.768	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	2.874.255.081	827.619.768
Số cuối năm	<u>3.701.874.849</u>	<u>827.619.768</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	215.000.000.000	(54.331.026.750)	55.641.166.827	289.750.169.418	77.251.524.977	583.311.834.472
Công ty con phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	9.900.000.000	9.900.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	47.659.627.273	(1.639.704.372)	46.019.922.901
Công ty mẹ trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(2.682.805.690)	-	(2.682.805.690)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	4.174.306.033	(6.957.176.722)	(219.634.263)	(3.002.504.952)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.622.900.000)	-	(11.622.900.000)
Số dư cuối năm trước	215.000.000.000	(54.331.026.750)	59.815.472.860	316.146.914.279	85.292.186.342	621.923.546.731
Số dư đầu năm nay	215.000.000.000	(54.331.026.750)	59.815.472.860	316.146.914.279	85.292.186.342	621.923.546.731
Công ty con phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	39.031.703.859	1.940.351.434	40.972.055.293
Công ty mẹ trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(1.007.973.947)	-	(1.007.973.947)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	7.122.331.423	(12.189.073.448)	(410.138.075)	(5.476.880.100)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.622.900.000)	(2.084.127.792)	(13.707.027.792)
Số dư cuối năm nay	215.000.000.000	(54.331.026.750)	66.937.804.283	330.358.670.743	100.738.271.909	658.703.720.185

23b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	2.128.500	2.128.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.371.500	19.371.500

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23c. Phân phối lợi nhuận

Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức năm 2021 cho các cổ đông bằng tiền	: 11.622.900.000
• Trích lập Quỹ Khen thưởng	: 1.007.973.947

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

24a. Tài sản nhận giữ hộ

Là vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của Ban Quản lý Thủy lợi 3 của Bộ Nông nghiệp phục vụ dự án Vân Đình có giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.365.327.532 VND, số đầu năm là 2.365.327.532 VND.

24b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	5.715,37	5.731,31
Euro (EUR)	72,50	117,85

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây lắp	100.295.655.088	111.209.383.980
Doanh thu bán điện	159.585.542.897	70.979.927.124
Doanh thu bán hàng hóa	1.442.816.183	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.679.139.403	2.198.443.963
Cộng	<u>264.003.153.571</u>	<u>184.387.755.067</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2a, Tổng công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan khác (năm trước Tổng Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê với số tiền là 905.718.768 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hợp đồng xây lắp	101.760.583.443	92.174.539.785
Giá vốn bán điện	65.458.068.801	31.739.328.518
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.146.621.660	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	166.643.392	273.882.490
Cộng	<u>168.531.917.296</u>	<u>124.187.750.793</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	386.822.569	116.360.170
Lãi tiền cho vay	11.449.065.472	13.143.654.335
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	19.215.859
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	2.652.806.701
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.580.195.595	2.839.861.523
Doanh thu tài chính khác	6.257.868	-
Cộng	<u>14.422.341.504</u>	<u>18.771.898.588</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	40.322.715.932	21.145.478.668
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	10.395.559.656
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	388.847.912	-
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư tài chính	(10.897.797.353)	2.252.427.157
Chi phí tài chính khác	1.105.062	1.350.388
Cộng	<u>29.814.871.553</u>	<u>33.794.815.869</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	27.238.796.739	19.557.184.695
Chi phí vật liệu quản lý	603.959.064	34.541.308
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	257.135.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.370.432.864	1.465.246.790
Thuế, phí và lệ phí	438.395.915	2.407.528.937
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	9.492.589.948	(8.926.530.492)
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	676.426.706	4.822.963.539
Các chi phí khác	6.885.412.527	3.934.024.378
Cộng	<u>46.706.013.763</u>	<u>23.552.094.892</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền điện, nước	293.241.127	427.496.410
Các khoản công nợ không phải trả	-	1.382.624.197
Tiền thuê đất các năm trước được miễn giảm	-	802.528.500
Thu nhập khác	42.673.254	9.090.909
Cộng	<u>335.914.381</u>	<u>2.621.740.016</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí điện nước	302.162.801	430.615.957
Tiền phạt vi phạm hành chính	15.000.000	-
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	531.731.118	42.188.295
Chi phí khác	35.674.060	185.779.732
Cộng	<u>884.567.979</u>	<u>658.583.984</u>

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	39.031.703.859	47.659.627.273
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty mẹ	-	(1.007.973.947)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty con	(4.748.220.949)	(2.852.991.765)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	34.283.482.910	43.798.661.561
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.371.500	19.371.500
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.770</u>	<u>2.261</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	19.371.500	19.371.500
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>19.371.500</u>	<u>19.371.500</u>

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.460 VND xuống còn 2.160 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.512.419.495	41.539.664.651
Chi phí nhân công	55.177.468.617	53.902.037.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.493.880.260	47.065.371.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.736.996.499	24.001.884.151
Chi phí khác	59.562.047.356	45.367.624.347
Cộng	<u>243.482.812.227</u>	<u>211.876.582.423</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Đồng Tuấn Vũ		
Cho Tổng Công ty vay tiền	-	10.000.000.000
Lãi vay phải trả	212.648.696	420.900.931
Ông Đỗ Mạnh Cường		
Cho Tổng Công ty vay tiền	-	-
Lãi vay phải trả	-	5.186.287
Ông Đỗ Minh Tiến		
Cho Tổng Công ty vay tiền	-	2.000.000.000
Lãi vay phải trả	11.624.582	50.620.793
Bà Lê Bích Hạnh - Bên liên quan của thành viên HĐQT		
Cho Tổng Công ty vay tiền	5.900.000.000	7.000.000.000
Lãi vay phải trả	326.839.191	178.492.096
Tổng Công ty cho vay	-	9.664.234.228
Lãi cho vay	-	19.063.695

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.20b.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Lê Văn An - Chủ tịch HĐQT	712.946.809	240.000.000	952.946.809
Ông Đồng Tuấn Vũ - Thành viên HĐQT	-	120.000.000	120.000.000
Ông Đỗ Minh Tiến - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	396.543.000	120.000.000	516.543.000
Ông Đỗ Mạnh Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	471.154.841	120.000.000	591.154.841
Ông Lê Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	196.552.792	120.000.000	316.552.792
Ông Lương Công Thuận - Phó Tổng Giám đốc	483.896.036	-	483.896.036
Ông Phạm Bảo Long - Phó Tổng Giám đốc	453.435.781	-	453.435.781
Bà Lê Thị Hằng - Trưởng Ban Kiểm soát	136.054.855	120.000.000	256.054.855
Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm soát viên	-	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thu Huyền - Kiểm soát viên	-	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Quang Hưng - Kế toán trưởng (đến ngày 15/2/2022)	43.056.176	-	43.056.176
Bà Trần Thu Thủy - Kế toán trưởng (từ ngày 16/2/2022)	305.846.045	-	305.846.045
Cộng	3.199.486.335	960.000.000	4.159.486.335
Năm trước			
Ông Lê Văn An - Chủ tịch HĐQT	717.789.209	240.000.000	957.789.209
Ông Đồng Tuấn Vũ - Thành viên HĐQT	-	120.000.000	120.000.000
Ông Đỗ Minh Tiến - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	397.818.000	120.000.000	517.818.000
Ông Đỗ Mạnh Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	456.260.816	120.000.000	576.260.816
Ông Lê Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	189.400.507	120.000.000	309.400.507
Ông Lương Công Thuận - Phó Tổng Giám đốc	468.443.904	-	468.443.904
Ông Phạm Bảo Long - Phó Tổng Giám đốc	341.249.662	-	341.249.662
Bà Lê Thị Hằng - Trưởng BKS	124.010.792	120.000.000	244.010.792
Bà Nguyễn Thị Hiền - Thành viên BKS	-	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thu Huyền - Thành viên BKS	-	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Quang Hưng - Kế toán trưởng	301.810.500	-	301.810.500
Cộng	2.996.783.390	960.000.000	3.956.783.390

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Xây dựng 25
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1
Công ty Cổ phần Xây dựng 26
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đaksrông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Năng lượng Châu Âu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc	Bên liên quan của thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê</i>		
Lãi vay phải thu bên liên quan	11.305.292.229	12.991.766.379
<i>Công ty Cổ phần Đaksrông</i>		
Góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi (Công ty con của Tổng Công ty)	-	1.200.000.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc</i>		
Góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi bằng tiền	6.000.000.000	3.000.000.000
Lãi vay phải trả	28.265.202	79.747.686

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6a, V.14, V.17, V.19 và V.20b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực thủy điện
- Lĩnh vực đầu tư tài chính (đầu tư tài chính dài hạn vào các đơn vị và cho vay)
- Lĩnh vực khác

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	100.295.655.088	159.585.542.897	-	4.121.955.586	264.003.153.571
Doanh thu đầu tư tài chính	-	-	11.455.323.340	-	11.455.323.340
Giá vốn hàng bán	(101.760.583.443)	(65.458.068.801)	-	(1.313.265.052)	(168.531.917.296)
Dự phòng đầu tư tài chính	-	-	10.897.797.353	-	10.897.797.353
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	15.841.733.433	-	15.841.733.433
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.464.928.355)	94.127.474.096	38.194.854.126	2.808.690.534	133.666.090.401
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(46.706.013.763)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					86.960.076.638
Doanh thu hoạt động tài chính khác					2.967.018.164
Chi phí tài chính khác					(40.712.668.906)
Thu nhập khác					335.914.381
Chi phí khác					(884.567.979)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.581.063.806)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(3.112.653.199)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					40.972.055.293
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	528.578.317	217.799.286.707	-	-	218.327.865.024
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	23.964.137.567	38.130.564.084	-	984.879.261	63.079.580.913
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	111.209.383.980	70.979.927.124	-	2.198.443.963	184.387.755.067
Doanh thu đầu tư tài chính			13.162.870.194		13.162.870.194
Giá vốn hàng bán	(92.174.539.785)	(31.739.328.518)	-	(273.882.490)	(124.187.750.793)
Dự phòng đầu tư tài chính	-	-	(2.252.427.157)	-	(2.252.427.157)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	24.201.378.744	-	24.201.378.744
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.034.844.195	39.240.598.606	35.111.821.781	1.924.561.473	95.311.826.055
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(23.552.094.892)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					71.759.731.163
Doanh thu hoạt động tài chính khác					5.609.028.394
Chi phí tài chính khác					(31.542.388.712)
Thu nhập khác					2.621.740.016

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí khác					(658.583.984)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.226.031.093)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(543.572.883)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					46.019.922.901
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.826.528.268	463.989.144.839	-	-	468.815.673.107
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	28.386.434.907	18.117.779.353	-	561.157.559	47.065.371.819

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.477.070.661.556	812.267.572.131	504.454.713.243	-	2.793.792.946.930
Tài sản phân bổ cho bộ phận					-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					62.601.363.559
Tổng tài sản					2.856.394.310.489
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	275.014.493.171	441.189.984.798	152.734.824.000	-	868.939.301.969
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.322.766.480.857
Tổng nợ phải trả					2.191.705.782.826
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.414.930.005.298	692.375.258.849	521.797.932.823	5.161.750.990	2.634.264.947.960
Tài sản phân bổ cho bộ phận					-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					112.051.750.039
Tổng tài sản					2.746.316.697.999
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	358.373.757.152	396.918.021.901	152.734.824.000	-	908.026.603.053
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.210.381.740.737
Tổng nợ phải trả					2.118.408.343.790

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Trần Thu Thủy

Lê Văn An

